TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2023/QĐST-HNGĐ	*Mỏ Cày Bắc, ngày 05 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBNTQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

Anh Bùi Ngọc Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ nơi cư trú: C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1984.

Địa chỉ nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi hòa giải đoàn tụ không thành, anh Đ và chị H thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Đ và chị H thỏa thuận sau khi ly hôn chị H sẽ trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Bùi Vân A, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2012 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2018 hiện nay đang sống chung với chị H, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với nguyện vọng của cháu Vân A và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Anh Đ và chị H trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

[4] Về nghĩa vụ nộp lệ phí: Anh Đ và chị H mỗi người tự nguyện nộp 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bùi Ngọc Đ và chị Trần Thị Thu H thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi 02 cháu Bùi Vân A, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2012 và Bùi Ngọc A, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2018 hiện nay đang sống chung với chị H; anh Bùi Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ là người không trực tiếp nuôi con có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- *Về chia tài sản khi ly hôn:* Anh Bùi Ngọc Đ và chị Trần Thị Thu H trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Bùi Ngọc Đ và chị Trần Thị Thu H mỗi người phải nộp 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo các biên lai thu số 000xxxx, 000xxxx, cùng ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T, huyện L,
tỉnh Đồng Nai (ĐKKH số xx, ngày 05/01/2009) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (3b).

THẨM PHÁN

Huỳnh Việt Thiện